

Phần I. Mở đầu

1. Lý do chọn đề tài:

Thực hành kỹ năng Địa lí trong đó có kỹ năng vẽ biểu đồ là một yêu cầu rất quan trọng của việc học tập môn Địa lí. Vì vậy, các đề kiểm tra, đề thi học sinh giỏi môn Địa lí đều có hai phần lí thuyết và phần thực hành. Trong đó phần thực hành thường có những bài tập về vẽ và nhận xét biểu đồ chiếm khoảng 30 - 35% tổng số điểm.

Hiện nay trong chương trình đổi mới của sách giáo khoa Địa lí lớp 9 - gồm có 55 tiết học thì đã có 10 tiết thực hành trong đó có 6 tiết về vẽ biểu đồ và có khoảng 13 bài tập về rèn luyện kỹ năng vẽ và nhận xét biểu đồ sau các bài học của học sinh trong phần câu hỏi và bài tập trong sách giáo khoa. Điều đó chứng tỏ rằng bộ môn Địa lí lớp 9 hiện nay không chỉ chú trọng đến việc cung cấp cho học sinh những kiến thức lí thuyết mà còn giúp các em rèn luyện những kỹ năng đại lí cần thiết, đặc biệt như kỹ năng vẽ biểu đồ. Bởi thông qua biểu đồ các em đã thể hiện được mối liên hệ giữa những đối tượng địa lí đã học, thấy được tình hình, xu hướng phát triển của các đối tượng địa lí. hoặc từ biểu đồ đã vẽ các em cũng có thể phân tích, nhận xét, phát hiện tìm tòi thêm nội dung kiến thức mới trên cơ sở kiến thức của bài học.

Nhưng trong thực tế hiện nay muốn thực hiện vấn đề này vẫn còn gặp không ít khó khăn do nhiều nguyên nhân khác nhau: các em học sinh xem là môn học phụ, nên thường học vẹt, qua loa hay một cách máy móc, rập khuôn, không sáng tạo, thiếu sự quan tâm của gia đình, cùng với phương tiện dạy học chưa đáp ứng đủ cho nên chưa kích thích học tập của học sinh... từ đó làm cho chất lượng dạy học địa lí thiếu hiệu quả và chưa đạt kết quả cao.

Tuy vậy, qua hơn 15 năm công tác trong dạy học bản thân tôi nhận thấy với nhiều em học sinh lớp 9 hiện nay, kỹ năng vẽ biểu đồ và rút ra nhận xét còn rất yếu hoặc kỹ năng này vẫn chưa được các em coi trọng. Chính vì vậy, bản thân tôi là một giáo viên giảng dạy bộ môn Địa lí, tôi rất quan tâm đến việc củng cố, rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ và rút ra nhận xét cho học sinh - để giúp các em thực hiện kỹ năng này ngày càng tốt hơn.

Chính vì những lí do trên tôi đã mạnh dạn đề cập một số sáng kiến trong việc “*Rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ địa lí và rút ra nhận xét cho học sinh lớp 9/2, trường THCS Lâm Kiết*”

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:

Tìm hiểu việc rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ địa lí và rút ra nhận xét cho học sinh lớp 9 giúp cho giáo viên và học sinh có những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy và học tập môn Địa lí nói chung, đồng thời củng cố, nâng cao việc rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ địa lí và rút ra nhận xét cho học sinh nói riêng.

3. Đối tượng nghiên cứu:

Rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ địa lí và rút ra nhận xét cho học sinh lớp 9/2, trường THCS Lâm Kiệt

4. Phương pháp nghiên cứu:

Đối với đề tài này tôi sử dụng các phương pháp.

Phương pháp nghiên cứu lí thuyết: nhằm xây dựng cơ sở lí luận cho đề tài.

Phương pháp quan sát: nhằm tìm hiểu việc rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ và rút ra nhận xét của học sinh trong giờ học.

Phương pháp điều tra: nhằm đánh giá thực trạng có bao nhiêu học sinh còn yếu - kém khi thực hành kỹ năng vẽ biểu đồ.

Phương pháp thực nghiệm.

Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động:

Thông qua kết quả các bài kiểm tra có thể đánh giá chất lượng và hiệu quả các bài tập về kỹ năng vẽ biểu đồ địa lí và rút ra nhận xét của học sinh.

5. Tính mới của đề tài:

Nếu như giáo viên sử dụng tốt phương pháp thực hành một cách hiệu quả đồng thời kết hợp với một số phương pháp dạy học khác như: nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm sử dụng một số thiết bị dạy học hỗ trợ... cho bài học về nhà một cách hợp lí thì sẽ tạo ra một không khí học tập tích cực, giúp các em chú ý quan tâm hơn đến việc rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ địa lí và rút ra nhận xét, để kết quả học tập được tốt hơn.

Phần II. Nội dung

1. Cơ sở lí luận:

Trong xu thế chung hiện nay việc dạy học môn địa lí phải theo tinh thần đổi mới, lấy học sinh làm trung tâm nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh, được thể hiện trong nghị quyết của Đảng, Luật giáo dục và các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Luật giáo dục đã xác định: “ Mục tiêu của giáo dục phổ thông là giúp cho học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản nhằm hình thành nhân cách con người Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân... (Điều 23-Luật giáo dục).

Nhưng trong thực tế hiện nay muốn thực hiện vấn đề này vẫn còn gặp không ít khó khăn do nhiều nguyên nhân khác nhau: các em học sinh xem là môn học phụ, nên thường học vẹt, qua loa hay một cách máy móc, rập khuôn, không sáng tạo, thiếu sự quan tâm của gia đình, cùng với phương tiện dạy học chưa đáp ứng đủ cho nên chưa kích thích học tập của học sinh... từ đó làm cho chất lượng dạy học địa lí thiếu hiệu quả và chưa đạt kết quả cao.

2. Cơ sở thực tiễn:

Với học sinh các trường ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn như trường THCS Lâm Kiệt thì việc rèn luyện kỹ năng thực hành Địa lí cho các em trong một bài học gặp không ít khó khăn, ví dụ: với một bài tập thực hành vẽ biểu đồ có yêu cầu phải nhận xét, thì đa phần các em thực hiện vẫn còn chậm, mất nhiều thời gian do không có kỹ năng nhận xét, hoặc biết nhận xét nhưng chưa tập trung vào trọng tâm của đối tượng địa lí phải nhận xét, khiến cho việc so sánh, đánh giá kết quả giữa các tổ, nhóm hoặc cá nhân với nhau còn rất hạn chế. Từ đó cũng ảnh hưởng nhiều tới thời gian hoàn thành bài tập của học sinh, bởi thông thường sau khi vẽ biểu đồ, học sinh còn phải nhận xét, đánh giá các sự vật, hiện tượng địa lí từ biểu đồ đã vẽ.

Nhiều em chưa có ý thức chuẩn bị tốt các đồ dùng học tập chuẩn bị cho bài thực hành như thước kẻ, bút chì, compa, hộp màu... còn coi nhẹ yêu cầu của bài thực hành nên cũng ảnh hưởng nhiều tới các bài tập về vẽ biểu đồ như: hình vẽ chưa đẹp, vẽ chưa chuẩn xác.

Khi giáo viên hướng dẫn các bước tiến hành, một số học sinh vẫn chưa chịu để ý, quan tâm dẫn đến các em lúng túng khi tiến hành các thao tác, ví dụ: cách xử lý số liệu hoặc cách chọn tỷ lệ..

Thời gian một bài thực hành có 45 phút: có rất nhiều các bước cần thực hiện, nhưng quan trọng nhất là việc kiểm tra, đánh giá kết quả bài tập của học sinh. Tuy vậy công việc này thường được thực hiện sau khi học sinh đã hoàn thành hết các yêu cầu của bài tập nên giáo viên bị hạn chế rất nhiều về thời gian để sửa chữa uốn nắn cho các em nhất là học sinh yếu.

Bên cạnh các bài tập thực hành vẽ biểu đồ trên lớp còn có rất nhiều các bài tập thực hành vẽ biểu đồ ở nhà, nếu không có biện pháp kiểm tra, đánh giá kịp thời thì nhiều em sẽ coi nhẹ việc thực hiện các bài tập này, hoặc có những lỗi sai sót mắc phải của học sinh mà giáo viên không kịp thời phát hiện ra để giúp các em sửa chữa.

Chính từ những lí do trên, qua nhiều năm giảng dạy, bản thân tôi đã tích lũy được một số kinh nghiệm: Để đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường tính tích cực, tư duy, sáng tạo ở học sinh là phải đặc biệt chú trọng đến việc rèn luyện cho học sinh những kỹ năng vẽ biểu đồ địa lí và rút ra nhận xét, từ đó góp phần rất lớn hạn chế việc ghi nhớ máy móc của học sinh.

3. Các giải pháp tiến hành giải quyết vấn đề

3.1. Giải pháp 1 : Vẽ và rút ra nhận xét đối với biểu đồ tròn:

Khi nào vẽ biểu đồ tròn?

Khi đề bài yêu cầu vẽ biểu đồ tròn.

Trong đề bài có từ cơ cấu (nhưng chỉ có 1 ,2 hoặc 3 năm) ta vẽ biểu đồ tròn. Muốn vậy đòi hỏi học sinh phải có kỹ năng nhận biết về các số liệu trong bảng, bằng cách người học phải biết xử lý số liệu (hoặc đôi lúc không cần phải xử lý số liệu khi bảng số liệu cho sẵn %) ở bảng mà có kết quả cơ cấu của nó đủ 100 (%) , thì tiến hành vẽ biểu đồ tròn.

Cách tiến hành:

Chọn trục gốc: để thống nhất và dễ so sánh, ta chọn trục gốc là một đường thẳng nối từ tâm đường tròn đến điểm số 12 trên mặt đồng hồ.



Khi vẽ cần phải có kỹ năng vẽ theo chiều kim đồng hồ, điểm xuất phát 12 giờ. Để vẽ cho chính xác ta lấy từng tỉ lệ % của từng đối tượng $\times 3,6^0$, Sau đó dùng thước đo độ vẽ lần lượt các yếu tố theo bảng số liệu đã cho.

Cuối cùng là chú thích và ghi tên biểu đồ.

Tên biểu đồ: ghi phía trên biểu đồ hay phía dưới biểu đồ cũng được.

Chú thích: ghi bên phải hoặc phía dưới biểu đồ.

Lưu ý: chú thích không nên ghi chữ, đánh ca-rô, vẽ trái tim, mũi tên, ngoáy giun, ... sẽ làm rối biểu đồ. Mà nên dùng các đường thẳng, nghiêng, bỏ trắng...

Đối với số liệu tuyệt đối sau khi xử lí ra % thì ta phải tính đến bán kính đường tròn theo công thức sau:

$$\frac{S_1}{S_2} = \frac{R_2}{R_1} \rightarrow R_2 = \frac{S_1 \times R_1}{S_2}$$

(Chú ý: các em cũng có thể lấy số liệu thô của năm sau chia cho năm trước để biết được nó gấp bao nhiêu lần rồi sau đó ta chọn bán kính đường tròn tùy thích, dựa vào đó mà vẽ bán kính đường tròn thứ hai)

R_1 tự cho bao nhiêu cm cũng được (thông thường 20 cm)

S_1 là số liệu tuyệt đối của năm đầu tiên

S_2 là số liệu của năm sau.

Hoặc có thể dùng công thức: Công thức tính tỉ lệ bán kính: $r_2 = r_1 \cdot \sqrt{n}$

n = tổng giá trị năm sau: tổng giá trị năm đầu

Nhận xét:

Khi chỉ có 1 đường tròn: ta nhận xét về thứ tự lớn nhỏ. Sau đó so sánh.

Khi có 2 đường tròn trở lên :

Ta nhận xét **tăng hay giảm trước**, nếu đường tròn thì thêm liên tục hay không liên tục, tăng (giảm) bao nhiêu.

Sau đó nhận xét về nhất, nhì, ba... của các yếu tố trong từng năm. Nếu **giống nhau** thì ta gom chung lại cho các năm một lần thôi.

Cuối cùng cho kết luận về mối tương quan giữa các yếu tố.

Chọn trục gốc: để thống nhất và dễ so sánh, ta chọn trục gốc là một đường thẳng nối từ tâm đường tròn đến điểm số 12 trên mặt đồng hồ.

Khi vẽ cần phải có kỹ năng vẽ theo chiều kim đồng hồ, điểm xuất phát 12 giờ. Mỗi % là $3,6^{\circ}$, Sau đó vẽ lần lượt các yếu tố mà đề bài cho.

Cuối cùng là chú thích và ghi tên biểu đồ.

Tên biểu đồ: ghi phía trên biểu đồ hay phía dưới biểu đồ cũng được.

Chú thích: ghi bên phải hoặc phía dưới biểu đồ.

Lưu ý: chú thích không nên ghi chữ, đánh ca-rô, vẽ trái tim, mũi tên, ngoáy giun,... sẽ làm rối biểu đồ. Mà nên dùng các đường thẳng, nghiêng, bỏ trắng...

3. 2. Giải pháp 2: Vẽ và rút ra nhận xét đối với biểu đồ cột :

Khi nào vẽ biểu đồ cột ?

Khi đề bài yêu cầu cụ thể là hãy vẽ biểu đồ cột ... thì không được vẽ biểu đồ dạng khác mà phải vẽ biểu đồ cột.

Đối với dạng biểu đồ cột thông thường ta gặp đề bài yêu cầu là vẽ biểu đồ thể hiện tình hình phát triển của dân số, thể hiện sản lượng thủy sản (tỉ trọng sản lượng thủy sản(%), so sánh mật độ dân số của các vùng, so sánh sản lượng khai thác than, dầu khíso sánh về các loại sản phẩm của các vùng (hay giữa các quốc gia) với nhau.

Tuy nhiên, chúng ta phải xử lý số liệu (về % theo nguyên tắc tam suất tỉ lệ thuận) khi đề yêu cầu thể hiện tỉ trọng sản lượng...

Ngoài ra, biểu đồ cột còn có nhiều dạng như: Cột rời (cột đơn), cột cặp (cột nhóm), hay cột chồng. Vì vậy đòi hỏi học sinh phải làm nhiều dạng bài tập này thì các em sẽ có kinh nghiệm và sự hiểu biết để nhận dạng nó và vẽ loại biểu đồ cột nào cho thích hợp.

Lưu ý: Đối với biểu đồ cột chồng thì thông thường bảng số liệu cho có cột tổng số (nhưng phải xử lý số liệu về % nếu đề bài không cho %)

Cách tiến hành vẽ biểu đồ cột:

Dựng trục tung và trục hoành:



Trục tung thể hiện đại lượng (có thể là %, hay nghìn tấn, mật độ dân số, triệu người....).
Đánh số đơn vị trên trục tung phải cách đều nhau và đầy đủ (tránh ghi lung tung không cách đều)

Trục hoành thể hiện năm hoặc các nhân tố khác (có thể là tên nước, tên các vùng hoặc tên các loại sản phẩm).

Vẽ đúng trình tự đề bài cho, không được tự ý từ thấp lên cao hay ngược lại, trừ khi đề bài yêu cầu.

Không nên gạch ---- hay gạch ngang _____, từ trục tung vào đầu cột vì sẽ làm biểu đồ rườm rà, thiếu tính thẩm mỹ. Hoặc nếu có gạch thì sau khi vẽ xong ta phải dùng tẩy viết chì xóa nó đi.

Độ rộng (bề ngang) các cột phải bằng nhau.

Lưu ý sau khi vẽ xong rồi nên ghi số lên đầu mỗi cột để dễ so sánh các đối tượng.

Cuối cùng là chú thích và ghi tên biểu đồ.

Tên biểu đồ: ghi phía trên biểu đồ hay phía dưới biểu đồ cũng được.

Chú thích: ghi bên phải hoặc phía dưới biểu đồ.

Lưu ý: Đối với dạng biểu đồ thể hiện nhiều đối tượng khác nhau thì ta phải chú thích cho rõ ràng.

Nhận xét:

Trường hợp cột rời (cột đơn):

Bước 1: Xem xét năm đầu và năm cuối của bảng số liệu hoặc biểu đồ đã vẽ để trả lời câu hỏi tăng hay giảm? và tăng bao nhiêu? (lấy số liệu năm cuối trừ cho số liệu năm đầu hay chia cũng được)

Bước 2: xem xét số liệu cụ thể ở trong (hay trong các năm cụ thể) để trả lời tiếp là tăng hay giảm liên tục hay không liên tục? (lưu ý năm nào không liên tục)

Bước 3: Nếu liên tục thì cho biết giai đoạn nào nhANH, giai đoạn nào chậm, nếu không liên tục thì năm nào không liên tục.

Trường hợp cột đôi, ba...(có từ hai yếu tố trở lên): Nhận xét từng yếu tố một, giống như trường hợp 1 yếu tố (cột đơn). Sau đó kết luận (có thể so sánh hay tìm yếu tố liên quan giữa các cột)

Trường hợp cột là các vùng, các nước: Ta nhận xét cao nhất, nhì...thấp nhất, nhì.. (nhớ ghi đầy đủ các nước, vùng). Rồi so sánh giữa cái cao nhất với cái thấp nhất, giữa đồng bằng với đồng bằng, giữa miền núi với miền núi...

3.3. Giải pháp 3: Vẽ và nhận xét đối với biểu đồ đường (đồ thị):

Khi nào vẽ biểu đồ đường?

Khi đề bài yêu cầu: hãy vẽ biểu đồ đồ thị tả...", "hãy vẽ ba đường biểu diễn..." ta bắt buộc phải vẽ biểu đồ đường.

Khi đề bài yêu cầu vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ phát triển kinh tế hay tốc độ gia tăng dân số, chỉ số tăng trưởng, tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số.... thể hiện rõ qua nhiều năm từ...1995, 2000, 2005....2010, 2014,.... Mặc dù, nó cũng có tỷ lệ 100% nhưng không thể vẽ biểu đồ hình tròn được. Lí do phải vẽ nhiều hình tròn, thì không có tính khả thi với yêu cầu của đề bài.

Cho nên chúng ta vẽ dạng biểu đồ đường để dễ nhận xét về sự thay đổi của các yếu tố trên một đường cụ thể đó và dễ nhận xét về thay đổi của các yếu tố nói trên hay các dạng yêu cầu khác của đề bài.

Cách vẽ biểu đồ đường:

Dựng trục tung và trục hoành:

Trục tung: Thể hiện trị số của các đối tượng (trị số là %), góc tọa độ có thể là 0, có thể là một trị số ≤ 100 . Hoặc đôi khi trục tung không phải là trị số % mà là các giá trị khác tùy theo yêu cầu của đề bài.

Trục hoành: Thể hiện thời gian (năm), góc tọa độ trùng với năm đầu tiên trong bảng số liệu.

Xác định tọa độ các điểm từng năm của từng tiêu chí theo bảng số liệu, rồi nối các điểm đó lại và ghi trên các điểm giá trị của năm tương ứng.

Nếu có hai đường trở lên, phải vẽ hai đường phân biệt và chú thích theo thứ tự đề bài đã cho.

Ghi tên biểu đồ bên dưới.

Nhận xét:

Trường hợp chỉ có một đường:



Bước 1: So sánh số liệu năm đầu và năm cuối có trong bảng số liệu để trả lời câu hỏi:

Đối tượng cần nghiên cứu tăng hay giảm? nếu tăng (giảm) thì tăng (giảm) bao nhiêu? (lấy số liệu năm cuối trừ cho số liệu năm đầu hay chia gấp bao nhiêu lần cũng được)

Bước 2: xem đường iều diễn đi lên (tăng) có liên tục hay không? (lưu ý năm nào không liên tục)

Bước 3:

Nếu liên tục thì cho biết giai đoạn nào tăng nhanh, giai đoạn nào tăng chậm

Nếu không liên tục thì năm nào không liên tục

Trường hợp có hai đường trở lên:

Ta nhận xét từng đường một giống như theo đúng thứ tự bảng số liệu đã cho: đường A trước rồi đến đường B, đường C...

Sau đó ta tiến hành so sánh tìm mối quan hệ giữa các đường biểu diễn.

3.4. Giải pháp 4: Vẽ và nhận xét đối với biểu đồ miền:

Khi nào vẽ biểu đồ miền?

Khi đề bài yêu cầu cụ thể : “Hãy vẽ biểu đồ miền...”

Khi đề bài xuất hiện một số các cụm từ: “thay đổi cơ cấu”, “chuyển dịch cơ cấu”, “thích hợp nhất về sự chuyển dịch cơ cấu”....

Đọc yêu cầu, nhận biết các số liệu trong bài.

Trong trường hợp số liệu ít năm (1,2 năm hoặc 3 năm) thì vẽ biểu đồ tròn.

Trong trường hợp bảng số liệu là nhiều năm, dùng biểu đồ miền. Không vẽ biểu đồ miền khi bảng số liệu không phải là theo các năm. Vì trục hoành trong biểu đồ miền luôn biểu diễn năm.

Cách tiến hành vẽ biểu đồ miền:

Cách vẽ biểu đồ miền tạo hình chữ nhật trước khi vẽ. Có 2 trục tung: trục tung bên phải và trục tung bên trái.

Vẽ hình chữ nhật (có 2 trục hoành luôn dài hơn 2 trục tung) để vẽ biểu đồ miền, biểu đồ này là từ biến thể của dạng biểu đồ cột chồng theo tỷ lệ (%)

Để vẽ biểu đồ theo số liệu cho chính xác thì phải có kỹ năng là tạo thêm số liệu theo tỷ lệ % ở trục tung bên phải để đối chiếu số liệu vẽ cho chính xác. Khi vẽ đã hoàn thành thì chúng ta dùng tẩy xóa phần số ảo đó mà mình đã tạo ra.

Biểu đồ là hình chữ nhật, trục tung có trị số 100% (Tổng số).

Trục hoành luôn thể hiện năm, lưu ý khoảng cách giữa các năm phải đều nhau.

Năm đầu tiên trùng với góc tọa độ (hay trục tung)

Vẽ các điểm của tiêu chí thứ nhất theo các năm, rồi sau đó nối các điểm đó lại với nhau.

Tiêu chí thứ hai thì khác, ta vẽ tiếp lên bằng cách cộng số liệu của yếu tố thứ hai với yếu tố thứ nhất rồi dựa vào kết quả đó ta lấy mức số lượng ở trục tung. Cuối cùng ta nối các điểm của tiêu chí

Chú thích và ghi tên biểu đồ:

Chú thích: chú thích vào các miền khác nhau để dễ dàng phân biệt. Dùng các kí hiệu tương tự như biểu đồ tròn hay tô màu khác nhau cũng được.

Ghi tên biểu đồ ở phía trên hay phía dưới cũng được.

Nhận xét:

Bước 1: So sánh số liệu năm đầu và năm cuối có trong bảng số liệu để trả lời câu hỏi: Đối tượng cần nghiên cứu tăng hay giảm? nếu tăng (giảm) thì tăng (giảm) bao nhiêu? (lấy số liệu năm cuối trừ cho số liệu năm đầu hay chia gấp bao nhiêu lần cũng được)

Bước 2: xem đường iều diễn đi lên (tăng) có liên tục hay không? (lưu ý năm nào không liên tục)

Bước 3:

Nếu liên tục thì cho biết giai đoạn nào tăng nhanh, giai đoạn nào tăng chậm

Nếu không liên tục thì năm nào không liên tục

Trường hợp có hai đường trở lên:

Ta nhận xét từng đường một giống như theo đúng thứ tự bảng số liệu đã cho: đường A trước rồi đến đường B, đường C...

Sau đó ta tiến hành so sánh tìm mối quan hệ giữa các đường biểu diễn.

3.5. Giải pháp 5: Vẽ và nhận xét đối với biểu đồ thanh ngang:

Khi nào vẽ biểu đồ thanh ngang?

Khi đề bài yêu cầu cụ thể: “Hãy vẽ biểu đồ thanh ngang...”

Khi đề bài yêu cầu vẽ biểu đồ cột, nếu có các vùng kinh tế, chúng ta nên chuyển sang qua thanh ngang để tiện việc ghi tên các vùng để dãn và đẹp hơn.

Ta thấy biểu đồ cột, tên các vùng phải viết nhiều dòng khoảng cách rộng sẽ không đủ vẽ. Trong

Khi biểu đồ thanh ngang, tên các vùng ghi đủ một dòng không dính tên vào các vùng khác trông đẹp hơn. Tuy nhiên, khi vẽ biểu đồ thanh ngang, cần lưu ý sắp xếp theo thứ tự vùng kinh tế.

Cách vẽ biểu đồ thanh ngang:

Cũng giống như biểu đồ cột. Tuy nhiên trong trường hợp này trục tung của biểu đồ thanh ngang lại thể hiện các vùng kinh tế, còn trục hoành thì thể đại lượng (đơn vị)

Nhận xét:

Nhận xét tương tự như biểu đồ cột đơn.

Một số dạng bài tập minh họa:***Bài tập 1. Cho bảng số liệu sau(Trang 38 SGK 9)***

(Số liệu: nghìn ha)

Năm	1990	2002
Các nhóm cây		
Tổng số	9.040,0	12.831,4
Cây lương thực	6.474,6	8.320,3
Cây công nghiệp	1.199,3	2.337,3
Cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác	1.366,1	2.173,8

a, Từ bảng số liệu hãy vẽ biểu đồ thích hợp thể cơ cấu các nhóm cây trồng qua 2 năm

b, Qua bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ hãy rút ra nhận xét về sự thay đổi diện tích các nhóm cây

Bài làm

a, Xử lý số liệu ta được bảng sau

(Đơn vị: %)

Năm	1990	2002
Các nhóm cây		
Tổng số	100	100
Cây lương thực	71.6	64.9
Cây công nghiệp	13.3	18.2
Cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác	15.1	16.9

- Góc ở tâm

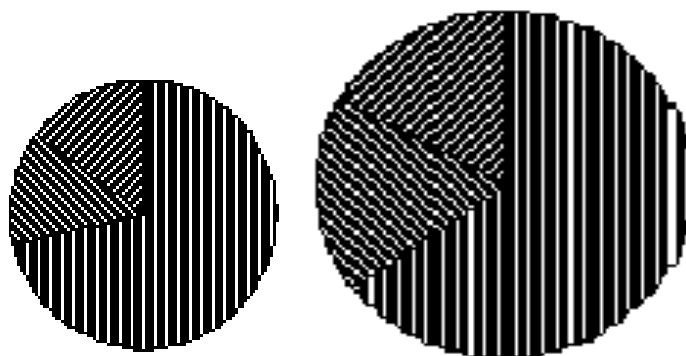
(Đơn vị: độ)

Năm	1990	2002
Các nhóm cây		
Tổng số	360	360
Cây lương thực	258	234
Cây công nghiệp	48	65
Cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác	54	61

- Bán kính đường tròn

$$\text{Quy ước } R_1 = 2\text{cm} \Rightarrow R_2 = 2 \sqrt{\frac{12834}{90400}} = 2 \times 1,4 = 2,8\text{cm}$$

Từ bảng số liệu ta có biểu đồ sau



b, Nhận xét

* Về diện tích

Từ bảng số liệu ta thấy diện tích gieo trồng năm 2002 tăng so với năm 1990 là 1,4 lần

Diện tích các nhóm cây đều tăng, nhanh nhất thuộc nhóm cây công nghiệp(gần 2 lần) tiếp theo là nhóm cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác(1,6 lần) cuối cùng là nhóm cây lương thực (1,3 lần)

* Về tỷ trọng

Nhóm cây công nghiệp tăng nhanh nhất, sau đó đến nhóm cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác. Trong khi đó nhóm cây lương thực đang giảm nhanh về tỷ trọng

* nguyên nhân

- Trong giai đoạn hiện nay cây công nghiệp đang là mặt hàng đem lại giá trị xuất khẩu cao, thị trường rộng và rất cần nên nước ta đang tập trung vào trồng các loại cây như: Cà phê, hồ tiêu, cao su...

- Nhóm cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác cũng tăng là do nhu cầu về rau quả ở các đô thị(đặc biệt là thực phẩm sạch) ngày càng tăng...

Bài tập 2. Cho bảng số liệu: Giá trị sản xuất công nghiệp của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và của cả nước, thời kỳ 1995-2002 (nghìn tỷ đồng)

Năm	1995	2000	2002
Duyên hải Nam Trung Bộ	5,6	10,8	14,7
Cả nước	103,4	198,3	261,1

a, Dựa vào bảng số liệu hãy vẽ biểu đồ hình cột thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của duyên hải Nam Trung Bộ so với cả nước

b, Từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ hãy rút ra nhận xét

Bài làm

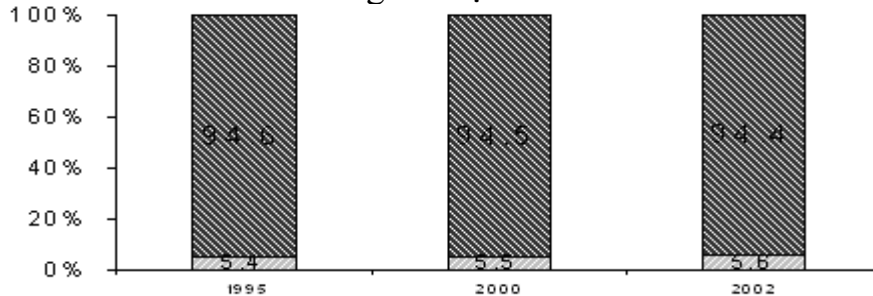
a, Vẽ biểu đồ

- xử lý số liệu ta được bảng (Số liệu %)

Năm	1995	2000	2002
Duyên hải Nam Trung Bộ	5.4	5.5	5.6
Các vùng khác	94.6	94.5	94.4
Cả nước	100	100	100

Từ bảng số liệu đã xử lý ta vẽ được biểu đồ sau

Biểu đồ cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp
của duyên hải Nam Trung Bộ so với cả nước
giai đoạn 1995-2002



Chú giải

■ Các vùng khác

■ Vùng đồng bằng sông Cửu Long

b, Nhận xét

* Từ bảng số liệu ta thấy

- Giá trị sản xuất công nghiệp của vùng duyên hải Nam Trung Bộ chiếm một phần rất nhỏ trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước

- Giá trị sản xuất công nghiệp của vùng qua các năm đều tăng (năm 2000 gấp 1,9 lần so với năm 1995, năm 2002 gấp 1,4 lần)

* Từ biểu đồ đã vẽ ta thấy

- Tỷ trọng công nghiệp của vùng duyên hải Nam Trung Bộ rất nhỏ so với cả nước (năm 1995 cả nước gấp 18,5 lần, năm 2000 gấp 18,2 lần, năm 2002 gấp 17,9 lần)

- Tỷ trọng công nghiệp của vùng không ngừng tăng trong tổng tỷ trọng của cả nước

*** Giải thích**

Vùng duyên hải Nam Trung Bộ là vùng có nhiều khó khăn trong chiến tranh, hiện nay vùng đang được nhà nước đầu tư phát triển kinh tế (Đặc biệt là ngành công nghiệp và dịch vụ) với một số trung tâm công nghiệp như Nha Trang, Đà Nẵng...với những ngành như khai thác khoáng sản(Titan), đóng tàu, chế biến lương thực, thực phẩm

Bài tập 3. Cho bảng số liệu sau: Sản lượng thủy sản nước ta qua các năm

Năm	Thủy sản khai thác(Nghìn tấn)
1990	728.5
1994	1120.9
1998	1357
2002	1806

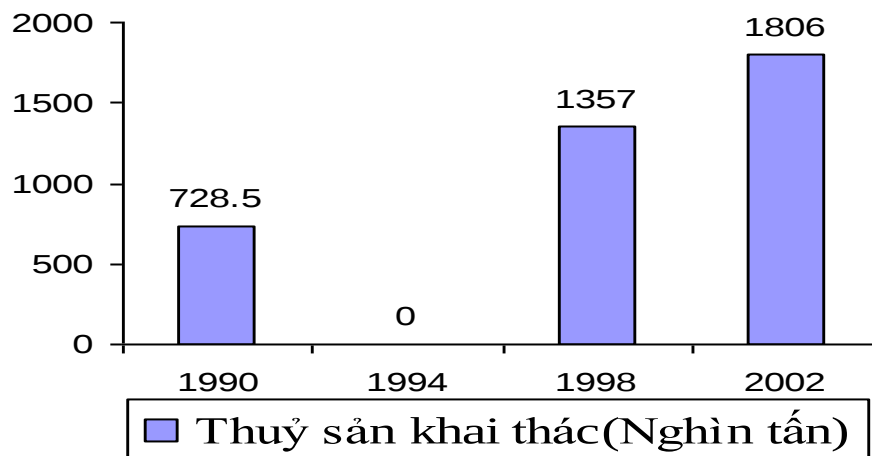
a, Vẽ biểu đồ thể hiện sản lượng thủy sản nước ta qua các năm theo bảng số liệu

b, từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ em hãy rút ra nhận xét tình hình khai thác thủy sản ở nước ta

Bài làm

a, Vẽ biểu đồ

Biểu đồ sản lượng thủy sản khai thác
nước ta giai đoạn: 1990-2003



b, Nhận xét

* Từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ ta thấy

- Qua bảng số liệu ta thấy sản lượng khai thác thủy sản nước ta tăng đều qua các năm(so với 1990 thì năm 1994 tăng 1,5 lần: năm 1998 tăng 1,2 lần so với 1994 : năm 2002 tăng 1,5 lần so với 1998)

- Qua biểu đồ ta thấy sản lượng khai thác thủy sản nước ta tăng nhanh vào giai đoạn 1990-1994 (1,5 lần) nhưng chậm vào giai đoạn 1994-1998 (Tăng 1,2 lần), sau đó lại tăng nhanh vào giai đoạn 1998-2002 (1,5 lần)

* Nguyên nhân: Do việc đầu tư đánh bắt xa bờ được chú trọng đẩy mạnh.

4. Kết quả:

Qua việc áp dụng những kinh nghiệm trên vào từng tiết học, lớp trở nên sinh động, học sinh hứng thú học tập, góp phần đổi mới phương pháp dạy học từ thầy là trung tâm, trò thụ động ghi chép chuyển sang hoạt động trò làm trung tâm đóng vai trò chủ động trong quá trình học tập làm cho chất lượng môn học địa lí không ngừng được nâng cao.

Chất lượng học sinh học địa lí của lớp 9/2 so với lớp 9/1 không áp dụng, trong năm học: 2018- 2019:

Lớp	Tổng số	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu
9/2	29	9 (31.0 %)	15 (51.8 %)	5 (17.2 %)	0 (0.0 %)
9/1	27	4 (14.8 %)	12 (44.5 %)	9 (33.3 %)	2 (7.4 %)

Phần III. Kết luận

1. Nội dung và ý nghĩa:

Qua việc hướng dẫn học sinh kỹ năng vẽ biểu đồ địa lí và rút ra nhận xét, trong dạy và học địa lí cho thấy cái hay cái đúng của các biện pháp đã thực hiện, như sau:

Học sinh tự tin hơn khi gặp những đề bài về xử lí số liệu cũng như vẽ các dạng biểu đồ.

Học sinh yêu thích bộ môn hơn, không còn cảm thấy khô khan như trước.

Học sinh nắm bài và nội dung kiến thức lâu hơn. Qua đó mới thấy được cái hay của môn học và càng khẳng định thêm quá trình dạy học đi từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn.

Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

Là một giáo viên ai cũng không khỏi băn khoăn, lo lắng cho học sinh của mình khi chất lượng của các em đạt thấp. Mỗi môn đều có cái khó riêng của nó nhưng cái khó đó nếu tìm được một phương pháp dạy học thích hợp thì sẽ đạt kết quả tối ưu. Trong bộ môn địa lí cái khó ở đây của các em học sinh là khả năng quan sát, nhận xét, xác định, lí giải,...các sự vật, hiện tượng địa lí còn hạn chế.

Trên đây là một số kinh nghiệm hướng dẫn học sinh kỹ năng vẽ biểu đồ địa lí và rút ra nhận xét ở môn địa lí lớp 9, mà tôi đã đúc kết được qua hơn 18 năm công tác ở THCS Lâm Kiệt.

Tuy nhiên trong quá trình tìm tòi, nghiên cứu bản thân sẽ không tránh khỏi những hạn chế. Vì vậy rất mong rằng quý thầy, cô sẽ có nhiều ý kiến đóng góp cho đề tài này để bản thân đúc kết thêm nhiều kinh nghiệm hơn để từ đó đề tài được hoàn thiện hơn. Nhằm nâng cao chất lượng học tập của học sinh học môn địa lí nói riêng và cả trường THCS Lâm Kiệt nói chung. Xin chân thành cảm ơn!

2. Đề xuất, kiến nghị:

Đối với nhà trường:

Cần bổ sung thêm tranh, ảnh, bản đồ, lược đồ, đặc biệt là các mô hình địa lí đang thiếu và xuống cấp, hoặc trang bị máy chiếu để cho giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy đạt hiệu quả cao hơn.



Có những biện pháp thiết thực động viên, giúp đỡ những học sinh nghèo, khó khăn có đủ đồ dùng học tập.

Tổ chức các chuyên đề dạy học rèn kỹ năng vẽ biểu đồ cho học sinh.

Yêu cầu giáo viên bộ môn kiểm tra, đánh giá thường xuyên để thấy được sự tiến bộ của học sinh.

Đối với giáo viên :

Cần tăng cường theo dõi các phương tiện thông tin đại chúng, tham khảo sách báo,.....để bổ sung thêm kiến thức cho bản thân, đồng thời giúp việc dạy và học đạt hiệu quả cao.

Tham gia các chuyên đề do ngành cũng như trường tổ chức nhằm tích lũy thêm kinh nghiệm cho bản thân,....

Cập nhật những thông tin, số liệu mới nhất từ thông tin đại chúng, Internet...

Duyệt của tổ chuyên môn
TỔ TRƯỞNG

Lâm Kiệt, ngày 15 tháng 10 năm 2019
Người viết sáng kiến

Huỳnh Đa Rinh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên trung học cơ sở chu kỳ 3(2004-2007) môn Địa lí- vụ giáo dục trung học.
2. Sách giáo khoa, sách giáo viên, chuẩn kỹ năng- kiến thức địa lí lớp 9.
3. Vở bài tập trắc nghiệm, thực hành môn địa lí 9 (nhà xuất bản giáo dục, sư phạm Hà Nội...)
4. Luật giáo dục.
5. Internet...



**Nhận xét, đánh giá của Hội đồng xét duyệt sáng kiến
cải tiến kỹ thuật trường THCS Lâm Kiệt**

.....
.....
.....
.....
.....

Xếp loại.....

**TM.HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

**Nhận xét, đánh giá của Hội đồng xét duyệt sáng kiến
cải tiến kỹ thuật Ngành Giáo dục**

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Xếp loại.....

**TM.HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**